

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH PH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 90/2024/HSST
Ngày 28 - 8 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH PH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Ch
Ông Nguyễn Đức Th

- Thư ký phiên tòa: Bà PH Thị Hoàng Q - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Đinh Diễm Kiều Tr - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 83/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 87/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2024/QĐST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 09/2024/TB-TA ngày 19 tháng 8 năm 2024 đối với:

- Bị cáo: Nguyễn Thanh T, sinh ngày 11/4/1994; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu 15, xã T, huyện T, tỉnh P; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn Th và bà Phạm Thị L; Có chồng là Nghiêm Đức Th và có 02 con (con lớn sinh năm 2018, con bé sinh năm 2022); Tiền án, tiền sự: Không;

Ngày 26/12/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P khởi tố vụ án, khởi tố bị can và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo. Quá trình áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo đã tự ý rời khỏi nơi cư trú và phạm tội mới nên ngày 13/5/2024, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P đã ra lệnh bắt bị cáo để tạm giam. Hiện bị cáo T đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh P. (Có mặt)

- Bị hại:

1. Anh PH Văn M, sinh năm 1993; Địa chỉ: Khu Bắc, thị trấn T, huyện V, tỉnh V. (Vắng mặt).

2. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn Lau, xã V, huyện T, tỉnh V. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Văn T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Khu Ngọc Thập, xã T, thị xã P, tỉnh P. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Phạm Đình T, sinh năm 1970; Địa chỉ: Khu dân cư P C, phường P, thị xã P, tỉnh P. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Thục P, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ 33, phố Thành Công, phường Tiên Cát, thành phố V, tỉnh P. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1964; Địa chỉ: Khu Hàm Nghi, phường C, thành phố V, tỉnh P. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Anh Nguyễn Tiến P, sinh năm 1996; Địa chỉ: Khu Lê Lợi, xã V, huyện C, tỉnh P. (Vắng mặt).

6. Anh Phan Văn H, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn Hà Trì, xã B, huyện V, tỉnh V. (Vắng mặt).

7. Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1987; Địa chỉ: Khu 7, xã S, huyện C, tỉnh P. (Vắng mặt).

8. Anh Chung Tiến C, sinh năm 2000; Địa chỉ: Khu 11, xã P Hộ, thị xã P, tỉnh P. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm và thu nhập ổn định nên để có tiền tiêu xài cá nhân, Nguyễn Thanh T đã nảy sinh ý định lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản bằng hình thức đặt mua xe đạp số lượng lớn tại các cửa hàng, đồng thời tạo niềm tin để chủ hàng đồng ý cho T được thanh toán sau khi nhận hàng, sau đó T nhanh chóng bán số xe đạp trên với giá rẻ cho người khác để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Cách thức thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản cụ thể như sau:

1) Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh PH Văn M, sinh năm 1993, trú tại: thị trấn T, huyện V, tỉnh V. Anh M là chủ cửa hàng kinh dP xe đạp “M Thu”. Địa chỉ: Khu Bắc, thị trấn T, huyện V, tỉnh V.

Sáng ngày 15/12/2023, anh PH Văn M sử dụng tài khoản Zalo mang tên “Manh thu” gửi lời mời kết bạn đến tài khoản “Junhi Nguyễn” của T. Sau đó, T gọi điện cho anh M, tự giới thiệu mình tên là Lan ở thị xã P, là người kinh dP xe đạp, đang muốn mua các loại xe đạp với số lượng lớn. Hai bên trao đổi thống nhất về giá cả, số lượng mua và phương thức thanh toán. Sau khi đã tạo được niềm tin từ anh M, T hứa hẹn khi anh M vận chuyển xong hàng hóa đến các cửa hàng theo yêu cầu thì T sẽ thanh toán tiền cho anh M, anh M đồng ý và thống nhất với T là sẽ trả hoá đơn hàng hoá cho T khi nào thanh toán xong tiền hàng. Thống nhất xong với anh M, T lại tiếp tục sử dụng tài khoản Zalo “Junhi Nguyễn” liên hệ với các cửa hàng kinh dP xe đạp khác, mục đích là để tìm kiếm nơi tiêu thụ số lượng xe đạp mà T sẽ chiếm đoạt của

anh M. Trong các ngày 15/12/2023 và 16/12/2023, T đã ba lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh M.

Lần 1: Vào khoảng 11 giờ 30 Pt ngày 15/12/2023, T sử dụng tài khoản Zalo mang tên “Junhi Nguyễn” tìm kiếm, kết bạn và nhắn tin đến tài khoản Zalo mang tên “T Dung” của anh Trần Văn T, sinh năm 1979, trú tại: khu Ngọc Thập, xã T, thị xã P (là chủ cửa hàng xe đạp “T Dung” có địa chỉ tại: khu Ngọc Thập, xã T, thị xã P). T giới thiệu mình là người kinh doanh mua bán xe đạp, hiện đang muốn thay đổi loại hình kinh doanh nên muốn thanh lý, giảm giá một số các loại xe. T báo giá từng loại xe cho anh T như sau:

- Xe đạp nhãn hiệu GALAXY TH19 có giá 2.200.000đ/chiếc (thấp hơn giá anh M bán cho T 200.000đ/chiếc).

- Xe đạp nhãn hiệu JINHU BABY12 có giá 380.000đ/chiếc (thấp hơn giá anh M bán cho T 30.000đ/chiếc).

- Xe đạp nhãn hiệu JINHU BABY14 có giá 400.000đ/chiếc (thấp hơn giá anh M bán cho T 30.000đ/chiếc).

Anh T đồng ý mua 27 chiếc xe đạp gồm: 05 chiếc xe đạp GALAXY TH19; 14 chiếc xe đạp JINHU BABY12; 08 chiếc xe đạp JINHU BABY14. Tổng số tiền anh T phải thanh toán cho T là 19.520.000đ (*Mười chín triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng*). Sau đó, T liên hệ với anh M báo số lượng xe cần mua. Theo báo giá của anh M thì tổng số tiền mà T sẽ phải thanh toán cho anh M đối với lô hàng này là 21.180.000đ (*Hai mươi một triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng*), hai bên thỏa thuận là khi nào T thanh toán xong tiền thì anh M sẽ cung cấp hóa đơn số hàng hóa trên cho T. Thỏa thuận xong, T thông báo cho anh T sẽ chuyển hàng vào tối ngày 15/12/2023, mục đích là để lấy lý do kho hàng đã nghỉ nên không thể cung cấp được hóa đơn cho anh T và che giấu hành vi lừa đảo của mình. Do không biết về mục đích của T nên anh T đồng ý. T thuê anh Đỗ Văn C, sinh năm 1987, trú tại: Khu 7, xã S, huyện C, tỉnh P vận chuyển số hàng hóa trên, tiền công vận chuyển là 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*). Khoảng 16 giờ 00 Pt ngày 15/12/2023, anh C điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 29C-090.90 đến cửa hàng của anh M để lấy hàng, anh M là người trực tiếp bàn giao hàng cho anh C. Giao hàng xong cho lái xe, anh M có yêu cầu T trả tiền hàng, lúc này T lấy lý do tài khoản ngân hàng bị lỗi nên không chuyển khoản được cho anh M, do không biết mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T nên anh M đồng ý cho T nợ tiền hàng. Anh C sau khi nhận hàng từ cửa hàng của anh M thì vận chuyển hàng đến cửa hàng của anh T. Khi giao hàng, cả T và anh T đều có mặt kiểm tra đúng số lượng, chủng loại xe đã đặt, anh T sử dụng tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 107882891666 của mình chuyển khoản hai lần đến tài khoản Ngân hàng Agribank số 8809205102697 của T số tiền 1.140.000đ (*Một triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng*) và 10.300.000đ (*Mười triệu, ba trăm nghìn đồng*) còn đưa cho T tiền mặt là 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*), số tiền 80.000đ (*Tám mươi nghìn đồng*) T cho lại anh T. Tổng cộng anh T thanh toán cho T số tiền là 19.440.000đ (*Mười chín triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*). Sau khi nhận được tiền của anh T, T sử dụng tài khoản Ngân hàng Agribank số

8809205102697 của mình chuyển đến tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 108001155718 của anh C số tiền vận chuyển đã thỏa thuận là 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*). T tiếp tục sử dụng tài khoản số 8809205102697 của mình chuyển đến tài khoản 99862868838888 mở tại Ngân hàng MB, chủ tài khoản là Huỳnh Thị Hồng Vân số tiền 10.000.712đ (*Mười triệu, bảy trăm mười hai đồng*) để mua vật phẩm trong trò chơi điện tử trên điện thoại. Sau đó, T đến quán phở “Anh Phê” ở khu dân cư Lê Đồng, phường Âu Cơ, thị xã P, tỉnh P để nhờ chị Nguyễn Thị Mai Hương, sinh năm 1979 (chủ quán) chuyển tiền vào tài khoản. Chị Hương dùng tài khoản mở tại Ngân hàng Vietinbank số 104805291079 chuyển vào tài khoản Ngân hàng Agribank số 8809205102697 của T số tiền 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*), T đưa lại cho chị Hương 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*) tiền mặt. Nhận tiền vào tài khoản xong, T tiếp tục sử dụng tài khoản 8809205102697 để chuyển tiền đến tài khoản số 26743237 mở tại Ngân hàng ACB, chủ tài khoản là Đồng Ngọc Sơn số tiền 9.001.316đ (*Chín triệu, không trăm linh một nghìn, ba trăm mười sáu đồng*) để mua vật phẩm trong trò chơi điện tử trên điện thoại.

Lần 2: Vào khoảng 14 giờ 00 Pt, ngày 15/12/2023, T sử dụng tài khoản Zalo “Junhi Nguyễn” tìm kiếm, kết bạn và nhắn tin với tài khoản “Lan Tây” của ông Phạm Đình T, sinh năm 1970, trú tại: Khu dân cư P C, phường P, thị xã P, tỉnh P (là chủ cửa hàng xe đạp “Lan T” có địa chỉ tại: khu dân cư P C, phường P, thị xã P, tỉnh P), T giới thiệu mình là chủ kho xe đạp tại T đang muốn giới thiệu các sản phẩm xe đạp mới. T báo giá cho ông T đối với từng loại xe cụ thể như sau:

- Xe đạp nhãn hiệu JINHU BABY12 có giá 370.000đ (thấp hơn giá anh M bán cho T 40.000đ/chiếc)

- Xe đạp nhãn hiệu JINHU BABY14 có giá 390.000đ (thấp hơn giá anh M bán cho T 40.000đ/chiếc)

- Xe đạp nhãn hiệu JINHU BABY16 có giá 410.000đ (thấp hơn giá anh M bán cho T 40.000đ/chiếc)

Ông T đồng ý mua 60 chiếc xe gồm: 20 chiếc JINHU BABY12; 20 chiếc JINHU BABY14; 20 chiếc JINHU BABY16. Tổng số tiền ông T phải thanh toán cho T là 23.400.000đ (*Hai mươi ba triệu, bốn trăm nghìn đồng*). T liên hệ lại với anh M báo số lượng xe cần mua và thỏa thuận T sẽ thanh toán cho anh M số tiền 25.800.000đ (*Hai mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng*). Cũng với thủ đoạn như lần đầu, T tiến hành giao hàng cho ông T vào buổi tối để có lý do không cung cấp hóa đơn cho ông T. T thuê anh Nguyễn Tiến P, sinh năm 1996, trú tại khu Lê Lợi, xã V, huyện C, tỉnh P vận chuyển hàng với giá 1.300.000đ (*Một triệu, ba trăm nghìn đồng*). Khoảng 21 giờ 30 Pt, ngày 15/12/2023, anh P điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 19C-220.97 đến cửa hàng anh M lấy hàng rồi vận chuyển đến cửa hàng Lan T. Khoảng 23 giờ 00 Pt cùng ngày, T thuê anh Chung Tiến C, sinh năm 2000, trú tại: khu 11, xã P Hộ, thị xã P, tỉnh P (là lái xe taxi) chở đến cửa hàng Lan T, T thanh toán tiền xe cho anh C số tiền 160.000đ (*Một trăm sáu mươi nghìn đồng*) qua tài khoản ngân hàng của T. Đến khoảng 00 giờ 20 Pt, ngày 16/12/2023, anh P vận chuyển hàng

đến nơi, T và ông T cùng kiểm tra và xác nhận đúng loại xe đã đặt, ông T sau khi nhận hàng đã yêu cầu T cung cấp hóa đơn hàng hóa. NH T vẫn lấy lý do trời tối kho hàng đã nghỉ nên không thể cung cấp hóa đơn, hẹn hôm sau sẽ giao hóa đơn cho ông T. Đến khoảng 10 giờ 00 Pt, ngày 16/12/2023, T yêu cầu ông T thanh toán tiền hàng thì sẽ cung cấp hóa đơn cho ông T nên ông T đã sử dụng tài khoản số 109869977535 mở tại Ngân hàng Vietinbank chuyển khoản đến tài khoản số 8809205102697 của T số tiền 37.400.000đ (*Ba mươi bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng*) (trong đó có 23.400.000đ (*Hai mươi ba triệu, bốn trăm nghìn đồng*) là tiền T bán số xe đạp đã chiếm đoạt của anh M, số tiền 14.000.000đ (*Mười bốn triệu*) còn lại là số tiền T bán số xe đạp đã chiếm đoạt của anh Phạm Văn H, sinh năm 1990, trú tại: thôn Lau, xã V, huyện T, tỉnh V trong vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh V điều tra). Sau khi giao hàng cho lái xe, anh M có yêu cầu T trả tiền hàng, T tiếp tục lấy lý do tài khoản ngân hàng bị lỗi không chuyển khoản được cho anh M, do không biết hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T nên anh M tiếp tục cho T nợ tiền. Nhận được tiền hàng của ông T, T đã sử dụng tài khoản ngân hàng Agribank số 8809205102697 của mình chuyển khoản đến tài khoản số 02550039803619 mở tại Ngân hàng MB Bank chủ tài khoản Ma Khánh Linh số tiền 30.000.803đ (*Ba mươi triệu, tám trăm linh ba đồng*) và số tài khoản số 050140029561 mở tại Ngân hàng Sacombank chủ tài khoản Nguyễn Thành Tấn Nhật số tiền 6.900.589đ (*Sáu triệu, chín trăm nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng*), cả hai lần chuyển tiền đều để mua vật phẩm trò chơi điện tử. Số tiền 1.300.000đ (*Một triệu, ba trăm nghìn đồng*) là số tiền anh P vận chuyển hàng cho T đến nay T vẫn chưa thanh toán cho anh P.

Lần 3: Khoảng 14 giờ 00 Pt, ngày 16/12/2023, T dùng tài khoản Zalo “Junhi Nguyễn” tìm kiếm, kết bạn và nhắn tin với tài khoản Zalo “Xe điện xe đạp Thục P” của bà Nguyễn Thị Thục P, sinh năm 1974, trú tại tổ 33, phố Thành Công, phường Tiên Cát, thành phố V, tỉnh P (là chủ cửa hàng xe đạp “P T” có địa chỉ tại: Chợ Trung tâm mới, phường Minh Nông, thành phố V, tỉnh P. T giới thiệu mình là người kinh doanh xe đạp đang cần thanh lý, xả hàng để lấy tiền mua nhà và báo giá các loại xe cho bà P:

- Xe đạp nhãn hiệu XAMING12 có giá 450.000đ/chiếc (thấp hơn giá anh M bán cho T 160.000đ/chiếc)
- Xe đạp nhãn hiệu XAMING14 có giá 470.000đ/chiếc (thấp hơn giá anh M bán cho T 160.000đ/chiếc)
- Xe đạp nhãn hiệu XAMING16 có giá 490.000đ/chiếc (thấp hơn giá anh M bán cho T 160.000đ/chiếc)
- Xe đạp nhãn hiệu XAMING18 có giá 510.000đ/chiếc (thấp hơn giá anh M bán cho T 160.000đ/chiếc)
- Xe đạp nhãn hiệu XAMING20 có giá 530.000đ/chiếc (thấp hơn giá anh M bán cho T 160.000đ/chiếc)

- Xe đạp nhãn hiệu JINHU BABY12 có giá 300.000đ (thấp hơn giá anh M bán cho T 110.000đ/chiếc)
- Xe đạp nhãn hiệu JINHU BABY14 có giá 320.000đ (thấp hơn giá anh M bán cho T 110.000đ/chiếc)
- Xe đạp nhãn hiệu JINHU BABY16 có giá 340.000đ (thấp hơn giá anh M bán cho T 110.000đ/chiếc)
- Xe đạp nhãn hiệu VENIC 3 có giá 2.300.000đ (thấp hơn giá anh M bán cho T 1.150.000đ/chiếc)
- Xe đạp nhãn hiệu CROLAN có giá 1.400.000đ (thấp hơn giá anh M bán cho T 300.000đ/chiếc)

Hai bên thống nhất xong về giá, bà P đặt mua 106 chiếc xe gồm: 04 chiếc xe đạp XAMING12; 02 chiếc xe đạp XAMING14; 04 chiếc xe đạp XAMING16; 05 chiếc xe đạp XAMING18; 05 chiếc xe đạp XAMING20; 32 chiếc JINHU BABY12; 14 chiếc JINHU BABY14; 22 chiếc JINHU BABY16; 08 chiếc VENIC 3; 10 chiếc CROLAN. Tổng số tiền bà P phải thanh toán cho T là 63.860.000đ (*Sáu mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng*). Để tiếp tục che giấu hành vi lừa đảo và có lý do không cung cấp hóa đơn, T thỏa thuận với bà P sẽ giao hàng cho bà P vào buổi tối ngày 16/12/2023. Sau đó, T liên hệ đặt số hàng trên từ anh M, hai bên thống nhất số tiền hàng là 86.740.000đ (*Tám mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*). Anh M yêu cầu T phải thanh toán tổng số tiền hàng cả 03 lần là 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*), số tiền còn lại 13.720.000đ (*Mười ba triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng*) T sẽ trả nốt vào ngày 18/12/2023. T hứa sẽ thanh toán số tiền trên khi hàng được giao đến cửa hàng P T. Lần này, anh M thuê anh Phan Văn H, sinh năm 1985, trú tại: thôn Hà Trì, xã B, huyện V, tỉnh V vận chuyển hàng đến cửa hàng P T và nhờ anh H thu hộ số tiền hàng từ T. Đến khoảng 15 giờ 00 Pt cùng ngày, anh H nhận hàng trực tiếp từ anh M rồi điều khiển xe ô tô 29H-557.77 đến cửa hàng “P T”. Khoảng 16 giờ 00 Pt cùng ngày, T tiếp tục thuê anh Chung Tiến C lái xe taxi chở T từ thị xã P, tỉnh P đến cửa hàng “P T”. Khi đến nơi, T thanh toán cho anh C số tiền 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) bằng hình thức chuyển khoản. Đến khoảng 17 giờ 00 Pt cùng ngày anh H chở hàng đến, lúc này tại cửa hàng chỉ có bà Vũ Thị T, sinh năm 1964, trú tại: khu Hàm Nghi, phường C, thành phố V, tỉnh P (bà T và bà P cùng là chủ của cửa hàng xe đạp P T). Sau khi kiểm tra hàng, bà T thấy có 04 chiếc VENIC 3 bị lỗi nên đã trả lại cho anh M ngay khi giao hàng, số hàng còn lại bà T xác nhận đúng loại xe đặt và nhận hàng. Như vậy, tổng số tiền hàng còn lại bà T phải thanh toán cho T là 54.660.000đ (*Năm mươi tư triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*) và số tiền T phải thanh toán cho anh M là 72.940.000đ (*Bảy mươi hai triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng*). Khi thanh toán, bà T dùng tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 108877424241 chuyển khoản số tiền 54.000.000đ (*Năm mươi tư triệu đồng*) đến tài khoản Ngân hàng Agribank số 8809205102697 của T và đưa tiền mặt cho T 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*), T cho lại bà T 60.000đ (*Sáu mươi nghìn đồng*). Bà T đề nghị T cung cấp hóa đơn nh T lấy lý do kho đã nghỉ nên hẹn ngày 17/12/2023

sẽ cung cấp hóa đơn sau. Sau khi nhận được tiền từ bà T, T đã dùng tài khoản Agribank số 8809205102697 chuyển khoản đến tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 9931210895, chủ tài khoản Trần Văn Hải số tiền 50.000.496đ (*Năm mươi triệu, bốn trăm chín mươi sáu đồng*) để mua vật phẩm trong trò chơi điện tử và chuyển khoản trả cho anh Phan Văn H số tiền vận chuyển hàng là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Lúc này, anh H yêu cầu T thanh toán tiền hàng cho anh M NH không thấy T trả tiền. Do T không trả tiền hàng cho anh M nên anh H đã thông báo cho anh M về việc T bảo anh H đưa đi nhiều nơi để lấy tiền trả NH vẫn không có tiền nên anh M bảo anh H đưa T về lại đại lý xe đạp P T ở chợ trung tâm mới thành phố V thuộc phường Minh Nông, thành phố V, tỉnh P để chờ anh M đến giải quyết. Khi anh M đến nơi và qua trao đổi với bà T được bà T cho biết bà đã thanh toán tiền hàng cho T. Nhận thấy Nguyễn Thanh T có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản, anh M đã làm đơn tố giác gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P thụ lý giải quyết vụ việc theo đơn trình báo của đương sự và mở rộng điều tra vụ án, phát hiện thêm các hành vi lừa đảo khác của T như đã nêu trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P đã ra quyết định yêu cầu định giá đối với số xe đạp mà Nguyễn Thanh T đã lừa đảo chiếm đoạt của anh PH Văn M. Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 1081/KL-HĐĐGTS ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh P kết luận:

a. 05 (năm) chiếc xe đạp người lớn loại GALAXY TH19, chưa qua sử dụng:

Giá 01 (một) chiếc xe đạp người lớn loại GALAXY TH19, chưa qua sử dụng có giá là: 2.400.000đ/chiếc. Thành tiền: 5 chiếc x 2.400.000đ = 12.000.000đ.

b. 04 (bốn) chiếc xe đạp người lớn loại VENIC 3, chưa qua sử dụng

Giá 01 (một) chiếc xe đạp người lớn loại VENIC 3, chưa qua sử dụng có giá là: 3.450.000đ/chiếc. Thành tiền: 4 chiếc x 3.450.000đ = 13.800.000đ.

c. 10 (mười) chiếc xe đạp người lớn loại CROLAN, chưa qua sử dụng

Giá 01 (một) chiếc xe đạp người lớn loại CROLAN, chưa qua sử dụng có giá là: 1.700.000đ/chiếc. Thành tiền: 10 chiếc x 1.700.000đ = 17.000.000đ.

d. 66 (sáu mươi sáu) chiếc xe đạp trẻ em loại JINHU BABY12, chưa qua sử dụng

Giá 01 (một) chiếc xe đạp trẻ em loại JINHU BABY12, chưa qua sử dụng có giá là: 410.000đ/chiếc. Thành tiền: 66 chiếc x 410.000đ = 27.060.000đ.

e. 42 (bốn mươi hai) chiếc xe đạp trẻ em loại JINHU BABY14, chưa qua sử dụng

Giá 01 (một) chiếc xe đạp trẻ em loại JINHU BABY14, chưa qua sử dụng có giá là: 430.000đ/chiếc. Thành tiền: 42 chiếc x 430.000đ = 18.060.000đ.

f. 42 (bốn mươi hai) chiếc xe đạp trẻ em loại JINHU BABY16, chưa qua sử dụng

Giá 01 (một) chiếc xe đạp trẻ em loại JINHU BABY16, chưa qua sử dụng có giá là: 450.000đ/chiếc. Thành tiền: 42 chiếc x 450.000đ = 18.900.000đ.

g. 04 (bốn) chiếc xe đạp trẻ em loại XAMING12, chưa qua sử dụng

Giá 01 (một) chiếc xe đạp trẻ em loại XAMING12, chưa qua sử dụng có giá là: 610.000đ/chiếc. Thành tiền: 4 chiếc x 610.000đ = 2.440.000đ.

h. 02 (hai) chiếc xe đạp trẻ em loại XAMING14, chưa qua sử dụng

Giá 01 (một) chiếc xe đạp trẻ em loại XAMING14, chưa qua sử dụng có giá là: 630.000đ/chiếc. Thành tiền: 2 chiếc x 630.000đ = 1.260.000đ.

i. 04 (bốn) chiếc xe đạp trẻ em loại XAMING16, chưa qua sử dụng

Giá 01 (một) chiếc xe đạp trẻ em loại XAMING16, chưa qua sử dụng có giá là: 650.000đ/chiếc. Thành tiền: 4 chiếc x 650.000đ = 2.600.000đ.

j. 05 (năm) chiếc xe đạp trẻ em loại XAMING18, chưa qua sử dụng

Giá 01 (một) chiếc xe đạp trẻ em loại XAMING18, chưa qua sử dụng có giá là: 670.000đ/chiếc. Thành tiền: 5 chiếc x 670.000đ = 3.350.000đ.

k. 05 (năm) chiếc xe đạp trẻ em loại XAMING20, chưa qua sử dụng

Giá 01 (một) chiếc xe đạp trẻ em loại XAMING20, chưa qua sử dụng có giá là: 690.000đ/chiếc. Thành tiền: 5 chiếc x 690.000đ = 3.450.000đ.

Tổng giá trị tài sản của 189 chiếc xe đạp mà T chiếm đoạt của anh M theo kết quả định giá tài sản là: **119.920.000đ. (Một trăm mười chín triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng).**

2) *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Phạm Văn H, sinh năm 1990, trú tại: Thôn Lau, xã V, huyện T, tỉnh V; anh H là chủ cửa hàng kinh dP xe đạp “H Cối”. Địa chỉ: Thôn Lau, xã V, huyện T, tỉnh V.*

Khoảng 13 giờ 20 Pt, ngày 15/12/2023, T sử dụng tài khoản Zalo “Junhi Nguyễn” kết bạn với tài khoản Zalo “H Cối” của anh Phạm Văn H, T giới thiệu mình là người kinh dP xe đạp và có nhu cầu mua hàng với số lượng lớn. Hai bên thỏa thuận với nhau về giá hàng hóa và hẹn khi anh H giao hàng xong thì T sẽ thanh toán tiền. Sau đó, T liên hệ với ông T chủ cửa hàng xe đạp Lan T báo giá xe đạp nhãn hiệu KEJIAN 26 là 1.400.000đ/chiếc (thấp hơn giá anh H bán cho T 280.000đ/chiếc). Ông T đồng ý mua 10 chiếc xe đạp KEJIAN 26 và T hẹn buổi tối sẽ giao hàng đến, tổng số tiền ông T phải thanh toán cho T là 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*). Sau đó, T thuê anh Nguyễn Tiến P, sinh năm 1996, trú tại: khu Lê Lợi, xã V, huyện C, tỉnh P vận chuyển số hàng này cùng với số hàng của anh M đến cửa hàng Lan T. Sau khi anh P giao hàng đến nơi, T và ông T cùng kiểm tra và xác nhận đúng loại hàng đã đặt, ông T đã nhận hàng. Do chưa thanh toán tiền hàng cho anh H nên T không cung cấp được hóa đơn cho ông T nên T lấy lý do buổi tối kho hàng nghỉ và hẹn ngày hôm sau sẽ cung cấp hóa đơn. Do vậy, ông T cũng chưa thanh toán tiền hàng cho T luôn tại thời điểm giao nhận hàng. Đến khoảng 10 giờ 00 Pt, ngày 16/12/2023, do T thúc giục ông T chuyển tiền để trả hoá đơn nên ông T đã chuyển khoản số tiền 37.400.000đ (*Ba mươi bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng*) (trong đó có 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*) là tiền hàng của anh H và 23.400.000đ (*Hai mươi ba triệu, bốn trăm nghìn đồng*) là tiền hàng của anh M). Do không thấy T thanh toán tiền và chỉ nhắn tin trao đổi qua zalo với T mà chưa gặp trực tiếp T lần nào nên anh H không xác định được đối tượng lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình là ai. Vì vậy, anh H đã

đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh V trình báo sự việc trên. Kết quả xác minh giải quyết tin báo, đến ngày 31/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh V đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra xác định ngoài hành vi phạm tội nêu trên thì Nguyễn Thanh T còn có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với phương thức, thủ đoạn tương tự trên địa bàn thành phố V, tỉnh P và Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do vậy, để công tác điều tra, giải quyết vụ án được tiến hành thuận lợi, ngày 14/3/2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V đã ra Quyết định số: 22/QĐ-VKS-P1 chuyển vụ án trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P để thụ lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh V đã ra quyết định yêu cầu định giá đối với số xe đạp mà Nguyễn Thanh T đã lừa đảo chiếm đoạt của anh Phạm Văn H. Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 05/KL-HĐĐGTS ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh V kết luận: Giá của 10 (mười) chiếc xe đạp thể thao hai bánh, loại thường, không gắn động cơ, khung bằng sắt đã sơn phủ, lốp cao su, kích thước vành 26 inch, chiều cao yên 73 cm, nhãn hiệu Kejian 26, màu đen mới chưa qua sử dụng tại thời điểm tháng 12/2023 là: **14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng)**.

Như vậy, tổng số xe đạp các loại mà T đã lừa đảo chiếm đoạt của anh PH Văn M và Phạm Văn H là 199 chiếc (trong đó anh M 189 chiếc; anh H 10 chiếc). Theo kết luận định giá tài sản, tổng giá trị của 199 chiếc xe đạp mà T đã chiếm đoạt của anh PH Văn M và anh Phạm Văn H là **133.920.000đ. (Một trăm ba mươi ba triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng)**.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu hồi được tổng số 159 xe (trong đó anh T 27 xe; bà P T 102 xe; ông T 30 xe). Số xe không thu hồi lại được là 40 chiếc (trong đó có 30 chiếc xe JINHU BABY12, 14, 16 của anh M, ông T đã bán cho các khách lẻ, không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên không thu hồi lại được; 10 chiếc xe KEJIAN 26 của anh H ông T đã bán cho khách lẻ, không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên không thu hồi được).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P T đã thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đối với anh Trần Văn T, ông Phạm Đình T, bà Nguyễn Thị Thục P, bà Vũ Thị T là những người mua xe đạp của T. Anh Nguyễn Tiến P, anh Phan Văn H, anh Đỗ Văn C là những người được thuê vận chuyển xe đạp đến nơi giao hàng. Anh Chung Tiến C là lái xe taxi chở T đến các địa điểm giao hàng. Những người này đều không biết về mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với số tiền 10.000.712đ (Mười triệu, bảy trăm mười hai đồng) T chuyển tiền cho chủ tài khoản mang tên Huỳnh Thị Hoàng Vân; Số tiền 9.001.316đ (Chín triệu,

không trăm linh một nghìn, ba trăm mười sáu đồng) T chuyển tiền cho chủ tài khoản mang tên Đồng Ngọc Sơn; Số tiền 30.000.803đ (Ba mươi triệu, tám trăm linh ba đồng) T chuyển tiền cho chủ tài khoản mang tên Ma Khánh Linh; Số tiền 6.900.589đ (Sáu triệu, chín trăm nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng) T chuyển tiền cho chủ tài khoản mang tên Nguyễn Thành Tấn Nhật và số tiền 50.000.496đ (Năm mươi triệu, bốn trăm chín mươi sáu đồng) T chuyển tiền cho chủ tài khoản mang tên Trần Văn Hải, đây là tiền T dùng để mua vật phẩm trong trò chơi điện tử. Quá trình điều tra, xác định các chủ tài khoản này đều không có mặt tại địa phương, nơi cư trú, không rõ đi đâu, làm gì, không ai liên lạc được nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

*** Về vật chứng, tài sản đã thu giữ và việc xử lý vật chứng, tài sản đã thu giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P.**

1. Tổng số 159 chiếc xe đạp T lừa đảo chiếm đoạt của anh M đã thu hồi được, gồm:

- 27 chiếc xe đạp gồm: 05 chiếc xe đạp nhãn hiệu GALAXY TH19; 14 chiếc xe đạp JINHU BABY12 và 08 chiếc xe đạp nhãn hiệu JINHU BABY14 là số xe đạp anh T đã mua của T, anh T đã tự nguyện giao nộp lại cho cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P.

- 102 chiếc xe đạp gồm: 04 chiếc xe đạp nhãn hiệu XIAMING12; 02 chiếc xe đạp nhãn hiệu XIAMING14; 04 chiếc xe đạp XIAMING16; 05 chiếc xe đạp XIAMING18; 05 chiếc xe đạp XIAMING20; 32 chiếc xe đạp JINHU BABY12; 14 chiếc xe đạp JINHU BABY14; 22 chiếc xe đạp JINHU BABY16; 04 chiếc VENIC 3; 10 chiếc CROLAN là số xe đạp bà T đã mua của T, bà T tự nguyện giao nộp lại cho cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P.

- 30 chiếc xe đạp gồm: 08 chiếc xe nhãn hiệu JINHU BABY12; 16 chiếc xe đạp nhãn hiệu JINHU BABY14; 06 chiếc xe đạp nhãn hiệu JINHU BABY16 là số xe đạp ông T đã mua của T còn lại chưa bán, ông T tự nguyện giao nộp lại cho cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P.

Ngày 28/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 159 chiếc xe đạp nêu trên cho bị hại là anh PH Văn M.

2. 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone X màu trắng, số imei: 356742082901882 đã qua sử dụng trên sim có số 8984048000923202151 là điện thoại T dùng để liên lạc và thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh M và anh H.

3. Đối với số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) T đã trả cho anh H, số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) T đã trả cho anh C và 660.000đ (Sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) T đã trả cho anh C. Quá trình điều tra, các anh H, C, C đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P. Số tiền này đã được nộp vào tài khoản số 3949.0.9044150.00000 của Công an thành phố V, tỉnh P mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh P đến ngày 18/7/2024 đã được chuyển vào số tài khoản 3949.0.1053895.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P bằng hình thức Ủy nhiệm chi.

4. Đối với số tiền 3.137.022đ (*Ba triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi hai đồng*) là số tiền còn lại trong tài khoản số 8809205102697, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh P của T, đây là số tiền liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P đã ban hành lệnh phong tỏa tài khoản số: 97/LPT-ĐĐTTH ngày 14/5/2024, phong tỏa số tiền trên trong tài khoản của T.

5. Đối với 30 chiếc đạp mà T lừa đảo chiếm đoạt của anh M, sau đó đem bán cho ông T, ông T sau đó đã bán cho khách lẻ nên không thu hồi được. Quá trình điều tra, ông T đã tự nguyện nộp lại số tiền 13.160.000đ (*Mười ba triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng*) cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P. Ngày 28/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả cho anh M số tiền 13.160.000đ (*Mười ba triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra, trong quá trình điều tra có sai sót khi xác định số lượng của từng loại xe ông T đã bán, từ đó dẫn đến số tiền ông T đã bán 30 chiếc xe phải là 13.240.000đ (*Mười ba triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng*), chứ không phải là 13.160.000đ (*Mười ba triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng*) như kết luận điều tra đã xác định.

6) Đối với 10 chiếc xe KEJIAN 26 mà T lừa đảo chiếm đoạt của anh H, ông T đã bán được số tiền là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*), ông T xác định đã tiêu dùng hết và không thể giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P.

*** Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại:**

- Đối với số tiền 19.440.000đ (*Mười chín triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*) là số tiền anh T trả tiền hàng cho T, anh T yêu cầu T phải trả lại số tiền này cho anh.

- Đối với số tiền 54.600.000đ (*Năm mươi tư triệu, sáu trăm nghìn đồng*) là số tiền bà T trả tiền hàng cho T, bà T yêu cầu T phải trả lại số tiền này cho bà.

- Đối với số tiền 37.400.000đ (*Ba mươi bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng*) là số tiền ông T trả tiền hàng cho T, ông T không yêu cầu T phải trả lại số tiền này cho ông.

- Đối với số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) của anh Phan Văn H, 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*) của anh Đỗ Văn C, 660.000đ (*Sáu trăm, sáu mươi nghìn đồng*) của anh Chung Tiến C, 1.300.000đ (*Một triệu, ba trăm nghìn đồng*) của anh Nguyễn Tiến P là số tiền T thuê taxi và vận chuyển hàng cho T, các anh đều có quan điểm không yêu cầu T phải trả lại.

- Đối với anh PH Văn M đã thu hồi được 159 chiếc xe đạp và 13.160.000đ (*Mười ba triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng*) là tiền bán 30 chiếc xe đạp của anh M nên anh không có yêu cầu gì khác.

- Đối với anh Phạm Văn H yêu cầu T phải trả 16.800.000đ (*Mười sáu triệu, tám trăm nghìn đồng*) là số tiền mà T lừa đảo chiếm đoạt 10 chiếc xe đạp của anh.

Về nguyên nhân, điều kiện, động cơ, mục đích dẫn đến hành vi phạm tội: Do Nguyễn Thanh T cần tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân nên đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối để lừa đảo nhằm chiếm đoạt 199 chiếc xe đạp theo kết luận định

giá tổng cộng là 133.920.000đ (*Một trăm ba mươi ba triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng*) của anh H và anh M.

Về điều kiện kinh tế của bị cáo: Cơ quan điều tra xác định ngoài đồ dùng cá nhân phục vụ sinh hoạt, T không có tài sản riêng có giá trị.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phạm Đình T xin vắng mặt nH có đơn đề nghị nội dung như sau:

Thứ nhất: Đối với 30 chiếc xe đạp bị cáo T lừa đảo của anh PH Văn M và bán cho ông với giá là 11.660.000đ (*Mười một triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*), số tiền này ông đã thanh toán cho T. Ông đã nộp lại cho Cơ quan điều tra 30 chiếc xe đạp này và Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh PH Văn M, ông hoàn toàn nhất trí và ông không buộc bị cáo T phải trả lại cho ông số tiền T đã chiếm đoạt là 11.660.000đ (*Mười một triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Thứ hai: Đối với 30 chiếc xe đạp bị cáo T lừa đảo của anh PH Văn M và bán cho ông với giá là 11.740.000đ (*Mười một triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*), ông đã thanh toán số tiền này cho T, đối với 30 chiếc xe đạp này ông đã bán được 13.240.000đ (*Mười ba triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng*) nH không tìm được những người đã mua, ông bán được lãi chênh lệch so với số tiền ông mua của T là 1.500.000đ (*Một triệu, năm trăm nghìn đồng*), đáng lẽ ông được hưởng phần chênh lệch này nH ông đã tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 13.160.000đ (*Mười ba triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng*), số tiền này Cơ quan điều tra đã trả cho anh M và ông nhất trí trả cho anh M số tiền ông đã nộp cho Cơ quan điều tra là 13.160.000đ (*Mười ba triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng*) và không buộc anh M phải trả lại tiền lãi chênh lệch cho ông là 1.420.000đ (*Một triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng*), đồng thời ông cũng không yêu cầu bị cáo T phải trả lại cho ông số tiền T đã chiếm đoạt của ông là 11.740.000đ (*Mười một triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Thứ ba: Đối với 10 chiếc xe đạp mà T lừa đảo của anh Phạm Văn H và bán cho ông với giá là 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*), số tiền này ông đã trả cho T. Ông đã khai tại cơ quan điều tra ông bán được 10 chiếc xe đạp này là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) nH bán cho ai thì ông không nhớ và ông đã tiêu sài cá nhân hết. Số tiền ông bán được lãi chênh lệch so với số tiền ông mua của T là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Nay ông có quan điểm như sau: Ông tự nguyện trả lại toàn bộ số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) này cho anh Phạm Văn H và không yêu cầu bị cáo T phải trả lại số tiền mà T đã chiếm đoạt của ông là 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*). Ông cũng không lấy số tiền lãi 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) mà đáng lẽ ông được hưởng, ông tự nguyện trả cho anh H toàn bộ số tiền ông bán được 10 chiếc xe là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*).

Tại phiên tòa, anh Phạm Văn H xin xét xử vắng mặt và có đơn trình bày như sau: Bị cáo T đã lừa của anh 10 chiếc xe đạp với giá là 16.800.000đ (*Mười sáu triệu, tám trăm nghìn đồng*), 10 chiếc xe đạp này T bán cho ông T và ông T đã bán cho khách không thu hồi được. Tại cơ quan điều tra anh có đề nghị T phải trả lại cho anh số tiền

16.800.000đ (*Mười sáu triệu, tám trăm nghìn đồng*) mà anh và T đã thỏa thuận, nH nếu ông T đồng ý trả lại cho anh số tiền ông T đã bán được 10 chiếc xe đạp này thì anh đồng ý nhận tiền từ ông T và anh không buộc bị cáo T phải trả lại cho anh số tiền 16.800.000đ (*Mười sáu triệu, tám trăm nghìn đồng*) cũng như không buộc T phải trả lại cho anh tiền chênh lệch giá trị 10 chiếc xe mà anh bán cho T so với giá ông T đã bán.

Tại Cáo trạng số: 81/CT-VKSVT ngày 18/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 04 (Bốn) năm tù đến 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 13/5/2024.

Tổng hợp hình phạt đối với Bản án số: 05/2024/HS-ST ngày 14/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai đã tuyên phạt bị cáo 10 (Mười) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phải chấp hành từ 04 (Bốn) năm 10 (Mười) tháng tù đến 05 (Năm) năm 04 (Bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/5/2024. (Bị cáo được trừ thời gian tạm giam từ ngày 13/5/2024 đến ngày 28/8/2024).

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải trả lại cho anh Trần Văn T số tiền 19.440.000đ (*Mười chín triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*).

+ Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải trả lại cho bà Vũ Thị T số tiền 54.600.000đ (*Năm mươi tư triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

+ Ghi nhận ông Phạm Đình T không buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải trả lại cho ông số tiền 37.400.000đ (*Ba mươi bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

+ Ghi nhận các anh Phan Văn H, Đỗ Văn C, Chung Tiến C không buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải trả lại cho anh H số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*), không phải trả lại cho anh C số tiền 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*) và không phải trả lại cho anh C số tiền 660.000đ (*Sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*).

+ Ghi nhận anh Nguyễn Tiến P không buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải trả lại cho anh số tiền 1.300.000đ (*Một triệu, ba trăm nghìn đồng*).

+ Buộc ông Phạm Đình T phải nộp lại số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) để trả lại cho anh Phạm Văn H.

+ Ghi nhận anh Phạm Văn H không buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải trả lại cho anh số tiền 16.800.000đ (*Mười sáu triệu, tám trăm nghìn đồng*) cũng như không

buộc T phải trả lại cho anh tiền chênh lệch giá trị của 10 chiếc xe đạp là 1.800.000đ (*Một triệu, tám trăm nghìn đồng*).

+ Ghi nhận ông Phạm Đình T không yêu cầu anh PH Văn M phải trả lại cho ông số tiền lãi chênh lệch bán 30 chiếc xe đạp là 1.420.000đ (*Một triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng*).

+ Ghi nhận ông Phạm Đình T không yêu cầu anh Phạm Văn H phải trả lại cho ông số tiền lãi chênh lệch bán 10 chiếc xe đạp là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*).

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Xác nhận ngày 28/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh PH Văn M số tiền 13.160.000đ (*Mười ba triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng*) là tiền ông Phạm Đình T bán 30 chiếc xe đạp của anh M, anh M đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì khác.

+ Xác nhận ngày 28/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P đã trả lại cho anh PH Văn M 159 chiếc xe đạp do bị cáo Nguyễn Thanh T lừa đảo chiếm đoạt, anh M đã nhận đủ 159 chiếc xe đạp và không có yêu cầu gì khác.

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE X màu sơn trắng, số IMEL: 356742082901882, đã qua sử dụng của bị cáo T do liên quan đến hành vi phạm tội.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 sim số, trên sim có số 8984048000923202151 do không còn giá trị sử dụng.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh T số tiền 2.060.000đ (*Hai triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng*) nH được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh T số tiền 3.137.022đ (*Ba triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi hai đồng*) trong tài khoản số 8809205102697 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh P nH được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 1, 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự trong vụ án hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V, tỉnh P, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo Nguyễn Thanh T thực hiện hành vi phạm tội tại huyện T, tỉnh V. Kết quả xác minh giải quyết tin báo của Công an huyện T, tỉnh V đối với tin tố giác của anh Phạm Văn H. Đến ngày 31/01/2024, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh V đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra xác định ngoài hành vi phạm tội nêu trên thì Nguyễn Thanh T còn có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với phương thức, thủ đoạn tương tự trên địa bàn thành phố V, tỉnh P và cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do vậy, để công tác điều tra, giải quyết vụ án được tiến hành thuận lợi và đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị can, bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Ngày 14/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V đã ra Quyết định số: 22/QĐ-VKS-P1 chuyển vụ án đến cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P để thụ lý theo thẩm quyền. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P đã tiếp nhận và ra Quyết định số: 414/QĐ-ĐĐTTH ngày 21/3/2024 nhập vụ án hình sự “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số: 13/QĐ-ĐCSHS ngày 31/01/2024 của cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh V với vụ án hình sự “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số: 194/QĐ-ĐTTH ngày 26/12/2023 của cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Xét thấy những người này đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung

[2.1]. Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau: Do không có việc làm và thu nhập ổn định nên để có tiền tiêu xài cá nhân, Nguyễn Thanh T đã nảy sinh ý định lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản bằng hình thức đặt mua xe đạp số lượng lớn tại các cửa hàng, đồng thời tạo niềm tin để chủ hàng đồng ý cho T được thanh toán sau khi nhận hàng, sau đó T sẽ nhanh chóng bán số xe đạp trên với giá rẻ cho người khác để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Thông qua mạng xã hội Zalo, T vào các nhóm buôn bán xe đạp để tìm kiếm đối tượng nhằm thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tìm nơi tiêu thụ tài sản. Trong các ngày 15/12/2023 và 16/12/2023, T đã sử dụng tài khoản Zalo của mình đăng ký bằng tên “Junhi Nguyễn” để nhắn tin, gọi điện cho các anh PH Văn M là chủ cửa hàng kinh dP xe đạp “M Thu” ở khu Bắc, thị trấn T, huyện V, tỉnh V qua tài khoản Zalo của anh M tên là “Manh Thu” và anh Phạm Văn H là chủ cửa hàng kinh dP xe đạp “H Cối”, địa chỉ: Thôn Lau, xã V, huyện T, tỉnh V qua tài khoản Zalo của anh H tên là “H Cối” để trao đổi về việc đặt mua xe đạp các loại. Thông qua các cuộc gọi, nói chuyện, T đưa

ra các thông tin gian dối nhằm tạo niềm tin, khiến cho anh M và anh H lầm tưởng T có nhu cầu mua xe đạp của mình là thực sự, từ đó đồng ý để giao hàng cho T mà không buộc phải thanh toán tiền luôn. Ngay sau đó, T đem số xe đạp đã nhận từ cửa hàng của anh M và anh H bán cho các cửa hàng kinh doanh xe đạp khác trên địa bàn thành phố V, tỉnh P và thị xã P, tỉnh P với giá thấp hơn giá nhập vào. Số tiền bán xe, T đã tiêu xài vào mục đích cá nhân mà không thanh toán tiền hàng cho anh M và anh H. Trong hai ngày 15 và 16/12/2023, T đã 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh PH Văn M và 01 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Phạm Văn H. Cụ thể:

Lần 1: Khoảng 11 giờ 30 Pt, ngày 15/12/2023, Nguyễn Thanh T lừa đảo chiếm đoạt của anh PH Văn M 27 chiếc xe đạp các loại trị giá 21.180.000đ (*Hai mươi một triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng*). Số xe này T đã đem bán cho cửa hàng xe đạp “T Dung” có địa chỉ tại khu Ngọc Tháp, xã T, thị xã P, tỉnh P thu được số tiền 19.440.000đ (*Mười chín triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Lần 2: Khoảng 13 giờ 20 Pt, ngày 15/12/2023, Nguyễn Thanh T lừa đảo chiếm đoạt của anh Phạm Văn H 10 chiếc xe đạp KEJIAN 26 trị giá 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*). Số xe đạp này T đã đem bán cho cửa hàng xe đạp “Lan T” có địa chỉ tại khu dân cư P C, phường P, thị xã P, tỉnh P thu được số tiền 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*).

Lần 3: Khoảng 14 giờ 00 Pt, ngày 15/12/2023, Nguyễn Thanh T lừa đảo chiếm đoạt của anh PH Văn M 60 chiếc xe đạp các loại trị giá 25.800.000đ (*Hai mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng*). Số xe đạp này T đã đem bán cho cửa hàng xe đạp “Lan T” có địa chỉ tại khu dân cư P C, phường P, thị xã P, tỉnh P thu được số tiền 23.400.000đ (*Hai mươi ba triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

Lần 4: Khoảng 14 giờ 00 Pt, ngày 16/12/2023, Nguyễn Thanh T lừa đảo chiếm đoạt của anh PH Văn M 102 chiếc xe đạp các loại trị giá 72.940.000đ (*Bảy mươi hai triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng*). Số xe đạp này T đã đem bán cho Cửa hàng “P T” có địa chỉ tại chợ Trung tâm mới, phường Minh Nông, thành phố V, tỉnh P thu được số tiền 54.600.000đ (*Năm mươi tư triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

Tổng số xe đạp mà T đã chiếm đoạt của anh M và anh H là 199 chiếc. Trong đó có 159 chiếc xe đạp lừa đảo của anh M đã thu hồi được, còn 30 chiếc xe đạp lừa đảo của anh M và 10 chiếc xe đạp lừa đảo của anh H không thu hồi được.

Tổng giá trị tài sản bị cáo Nguyễn Thanh T đã lừa đảo chiếm đoạt theo kết luận định giá là 133.920.000đ (*Một trăm ba mươi ba triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng*).

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy ra tội phạm, phù hợp với lời khai của các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở và căn cứ pháp lý kết luận bị cáo Nguyễn Thanh T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nH thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

...”

[2.2]. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nH vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, lợi dụng lòng tin của anh M, anh H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh T, ông T, bà T để những người này giao tài sản và chuyển tiền cho bị cáo với mục đích để bị cáo chiếm đoạt tài sản.

[2.3]. Đánh giá tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ đã gây mất trật tự trị an xã hội, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo thật nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có ông ngoại là ông Phạm Văn Khảm được tặng T Huân chương kháng chiến hạng ba nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo còn phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” do trong khoảng thời gian từ 11 giờ 30 Pt, ngày 15/12/2023 đến khoảng 14 giờ 00 Pt, ngày 16/12/2023 bị cáo đã 04 lần thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài ra, trong quá trình chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của bị cáo đối với hành vi phạm tội nêu trên, bị cáo Nguyễn Thanh T đã phạm tội mới và bị cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can vào ngày 25/3/2024 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tại Bản án số: 05/2024/HS-ST ngày 14/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai đã xét xử và tuyên phạt bị cáo 10 (Mười) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do vậy, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng mức hình phạt sao cho phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra xác định bị cáo không có tài sản riêng gì có giá trị ngoài đồ dùng sinh hoạt cá nhân nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với số tiền 19.440.000đ (*Mười chín triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*) là số tiền anh Trần Văn T trả tiền hàng cho T, anh T yêu cầu T phải trả lại số tiền này cho anh nên buộc bị cáo T phải trả lại số tiền 19.440.000đ (*Mười chín triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*) cho anh T là phù hợp.

- Đối với số tiền 54.600.000đ (*Năm mươi tư triệu, sáu trăm nghìn đồng*) là số tiền bà Vũ Thị T trả tiền hàng cho T, bà T yêu cầu T phải trả lại số tiền này cho bà nên buộc bị cáo T phải trả lại số tiền 54.600.000đ (*Năm mươi tư triệu, sáu trăm nghìn đồng*) cho bà T là phù hợp.

- Đối với số tiền 37.400.000đ (*Ba mươi bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng*) là số tiền ông Phạm Đình T trả tiền hàng cho T, ông T không yêu cầu T phải trả lại số tiền này cho ông, xét thấy đây là sự tự nguyện của ông T không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận.

- Đối với số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) của anh Phan Văn H, 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*) của anh Đỗ Văn C, 660.000đ (*Sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*) của anh Chung Tiến C là số tiền T thuê taxi và thuê xe chở hàng cho T. Các anh H, C, C đã nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra và đều có quan điểm không yêu cầu T phải trả lại, đây là sự tự nguyện của anh H, anh C, anh C nên cần ghi nhận.

- Đối với số tiền 1.300.000đ (*Một triệu, ba trăm nghìn đồng*) của anh Nguyễn Tiến P là số tiền T thuê anh P vận chuyển hàng cho T nH T chưa thanh toán cho anh P, quá trình điều tra anh P cũng không yêu cầu T phải trả lại số tiền này, xét thấy đây là sự tự nguyện của anh P nên cần ghi nhận.

- Đối với anh PH Văn M đã thu hồi được 159 chiếc xe đạp và 13.160.000đ (*Mười ba triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng*) là tiền ông Phạm Đình T bán 30 chiếc xe đạp của anh M, anh M đã nhận lại 159 chiếc xe đạp và số tiền 13.160.000đ (*Mười ba triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng*), anh M không có yêu cầu gì khác nên cần ghi nhận.

- Đối với 10 chiếc xe đạp bị cáo T lừa đảo của anh Phạm Văn H, anh H và T thỏa thuận giá của 10 chiếc xe đạp này là 16.800.000đ (*Mười sáu triệu, tám trăm nghìn đồng*), tại Cơ quan điều tra anh H yêu cầu T phải trả lại số tiền 16.800.000đ (*Mười sáu triệu, tám trăm nghìn đồng*) cho anh, nH tại phiên tòa hôm nay, ông T có đơn đề nghị 10 chiếc xe đạp này ông bán được 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) và ông tự nguyện trả cho anh H. Anh H cũng có quan điểm nhất trí nhận lại số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) của ông T và anh H không yêu cầu T phải trả lại cho anh số tiền 16.800.000đ (*Mười sáu triệu, tám trăm nghìn đồng*) cũng như không yêu cầu T phải trả lại số tiền 1.800.000đ (*Một triệu, tám trăm nghìn đồng*) là tiền chênh lệch giá trị 10 chiếc xe đạp mà anh thỏa thuận bán cho T so với số tiền ông T bán được và trả lại anh nên cần ghi nhận.

[5]. Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P đã thu hồi được tổng số 159 chiếc xe đạp T lừa đảo chiếm đoạt của anh M gồm:

+ 27 chiếc xe đạp gồm: 05 chiếc xe đạp nhãn hiệu GALAXY TH19; 14 chiếc xe đạp JINHU BABY12 và 08 chiếc xe đạp nhãn hiệu JINHU BABY14 là số xe đạp anh T đã mua của T, anh T đã tự nguyện giao nộp lại cho cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P.

+ 102 chiếc xe đạp gồm: 04 chiếc xe đạp nhãn hiệu XIAMING12; 02 chiếc xe đạp nhãn hiệu XIAMING14; 04 chiếc xe đạp XIAMING16; 05 chiếc xe đạp XIAMING18; 05 chiếc xe đạp XIAMING20; 32 chiếc xe đạp JINHU BABY12; 14 chiếc xe đạp JINHU BABY14; 22 chiếc xe đạp JINHU BABY16; 04 chiếc VENIC 3; 10 chiếc CROLAN là số xe đạp bà T đã mua của T, bà T tự nguyện giao nộp lại cho cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P.

+ 30 chiếc xe đạp gồm: 08 chiếc xe nhãn hiệu JINHU BABY12; 16 chiếc xe đạp nhãn hiệu JINHU BABY14; 06 chiếc xe đạp nhãn hiệu JINHU BABY16 là số xe đạp ông T đã mua của T còn lại chưa bán, ông T tự nguyện giao nộp lại cho cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P.

Ngày 28/12/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 159 chiếc xe đạp nêu trên cho anh PH Văn M, anh M đã nhận lại 159 chiếc xe đạp và không có yêu cầu gì khác.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE X màu sơn trắng, số IMEL: 356742082901882, đã qua sử dụng kèm theo 01 sim số, trên sim có số 8984048000923202151 là điện thoại T dùng để liên lạc và thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh M và anh H, vì vậy cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với chiếc điện thoại nêu trên, còn đối với 01 sim số thì cần tịch thu tiêu hủy do không còn giá trị sử dụng là phù hợp

- Đối với số tiền 2.060.000đ (*Hai triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng*), trong đó 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) T đã trả cho anh H; 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*) T đã trả cho anh C và 660.000đ (*Sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*) T đã trả cho anh C. Quá trình điều tra, các anh H, C, C đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P và không yêu cầu T phải trả lại số tiền này, nên số tiền này được trả lại cho bị cáo T NH được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với số tiền 3.137.022đ (*Ba triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi hai đồng*) là số tiền còn lại trong tài khoản số 8809205102697 của T ở Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh P, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P đã ban hành Lệnh phong tỏa tài khoản số: 97/LPT-ĐĐTTH ngày 14/5/2024 phong tỏa tài khoản trên. Xét thấy, đây là số tiền liên quan đến hành vi phạm tội của T trong các giao dịch mua bán xe đạp với anh Trần Văn T, ông Phạm Đình T và bà Vũ Thị T. Quá trình giải quyết vụ án về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ trả lại cho những người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan số tiền mà T đã lừa đảo của họ, do vậy số tiền này được trả lại cho bị cáo T NH được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 30 chiếc xe đạp mà T lừa đảo chiếm đoạt của anh PH Văn M, sau đó đem bán cho ông T, ông T đã bán cho khách lẻ nên không thu hồi được: Quá trình điều tra, ông T đã tự nguyện nộp lại số tiền 13.160.000đ (*Mười ba triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng*) cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P. Ngày 28/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả cho anh M số tiền 13.160.000đ (*Mười ba triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng*), anh M đã nhận đủ số tiền này và không có ý kiến gì. Xét thấy: Ông T mua của T 30 chiếc xe đạp trên với tổng số tiền là 11.740.000đ (*Mười một triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*), ông bán cho khách được 13.240.000đ (*Mười ba triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng*), chênh lệch giá trị tài sản là 1.500.000đ (*Một triệu, năm trăm nghìn đồng*), đây là khoản tiền lãi đáng lẽ ông T được hưởng do ông mua bán ngay tình, NH trong quá trình điều tra có sai sót khi xác định số lượng của từng loại xe ông T đã bán, từ đó dẫn đến số tiền ông T đã bán 30 chiếc xe phải là 13.240.000đ (*Mười ba triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng*) chứ không phải là 13.160.000đ (*Mười ba triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng*) như kết luận điều tra đã xác định, do đó ông T đã nộp lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra số tiền 13.160.000đ (*Mười ba triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng*) trong tổng số tiền 13.240.000đ (*Mười ba triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng*) và số tiền ông T nộp lại đã được Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại cho anh PH Văn M. Ông T có quan điểm không buộc anh M phải trả lại số tiền lãi chênh lệch là 1.420.000đ (*Một triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng*) cho ông. Đây là sự tự nguyện của ông T phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

- Đối với 10 chiếc xe KEJIAN 26 mà T lừa đảo chiếm đoạt của anh H, ông T đã bán được số tiền là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*), ông T xác định đã tiêu dùng hết. Đối với 10 chiếc xe đạp này ông T đã thanh toán cho T số tiền 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*) bằng hình thức chuyển khoản. Tại phiên tòa sơ thẩm ông T có quan điểm ông tự nguyện nộp lại số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) để trả lại cho anh H và ông không yêu cầu bị cáo T phải trả lại cho ông số tiền 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*), còn đối với số tiền lãi chênh lệch bán 10 chiếc xe đạp là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) ông tự nguyện cho anh H, xét thấy đây là sự tự nguyện của ông T nên cần ghi nhận.

[6]. Các nội dung khác:

- Đối với anh Trần Văn T, ông Phạm Đình T, bà Nguyễn Thị Thục P, bà Vũ Thị T là những người mua xe đạp của T; anh Nguyễn Tiến P, anh Phan Văn H, anh Đỗ Văn C là những người được thuê vận chuyển xe đạp đến nơi giao hàng; anh Chung Tiến C là lái xe taxi chở T đến các địa điểm giao hàng: Những người này đều không biết về mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

- Đối với số tiền 10.000.712đ (Mười triệu, bảy trăm mười hai đồng) T chuyển tiền cho chủ tài khoản mang tên Huỳnh Thị Hoàng Vân; số tiền 9.001.316đ (Chín triệu, không trăm linh một nghìn, ba trăm mười sáu đồng) T chuyển tiền cho chủ tài khoản mang tên Đồng Ngọc Sơn; số tiền 30.000.803đ (Ba mươi triệu, tám trăm linh ba đồng) T chuyển tiền cho chủ tài khoản mang tên Ma Khánh Linh; số tiền 6.900.589đ (Sáu triệu, chín trăm nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng) T chuyển tiền cho chủ tài khoản mang tên Nguyễn Thành Tấn Nhật và số tiền 50.000.496đ (Năm mươi triệu, bốn trăm chín mươi sáu đồng) T chuyển tiền cho chủ tài khoản mang tên Trần Văn Hải. Đây là tiền T dùng để mua vật phẩm trong trò chơi điện tử. Quá trình điều tra, xác định các chủ tài khoản này đều không có mặt tại địa phương, nơi cư trú, không rõ đi đâu, làm gì, không ai liên lạc được nên không đề cập xử lý trong vụ án này là phù hợp.

[7]. Về án phí:

- Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự trong vụ án hình sự đối với số tiền phải trả cho anh T và bà T theo quy định của pháp luật.

- Ông Phạm Đình T phải chịu án phí dân sự trong vụ án hình sự đối với số tiền ông nộp lại để trả cho anh H theo quy định pháp luật.

[8]. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo theo quy định pháp luật.

[9]. Về tổng hợp hình phạt: Bản án số: 05/2024/HS-ST ngày 14/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai đã xét xử và tuyên phạt bị cáo 10 (Mười) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 13/5/2024. Bản án này đã có hiệu lực pháp luật và được Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai ra Quyết định số: 06/2024/QĐ-CA ngày 15/7/2024 về việc thi hành án phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Thanh T nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh và hình phạt cũng như những nội dung khác là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, khoản 1 Điều 56, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1, 3 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 04 (Bốn) năm tù. Tổng hợp hình phạt 10 (Mười) tháng tù của Bản án số: 05/2024/HS-ST ngày 14/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai, bị cáo Nguyễn Thanh T phải chấp hành hình phạt của hai bản án là 04 (Bốn) năm 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 13/5/2024.

4. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thanh T.

5. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải trả lại cho anh Trần Văn T số tiền 19.440.000đ (*Mười chín triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*).

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải trả lại cho bà Vũ Thị T số tiền 54.600.000đ (*Năm mươi tư triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

- Buộc ông Phạm Đình T phải nộp lại số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) để trả lại cho anh Phạm Văn H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

- Ghi nhận ông Phạm Đình T không buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải trả lại cho ông số tiền 37.400.000đ (*Ba mươi bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

- Ghi nhận các anh Phan Văn H, Đỗ Văn C, Chung Tiến C không buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải trả lại cho anh H số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*), không phải trả lại cho anh C số tiền 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*) và không phải trả lại cho anh C số tiền 660.000đ (*Sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*).

- Ghi nhận anh Nguyễn Tiến P không buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải trả lại cho anh số tiền 1.300.000đ (*Một triệu, ba trăm nghìn đồng*).

- Ghi nhận anh Phạm Văn H không buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải trả lại cho anh số tiền 16.800.000đ (*Mười sáu triệu, tám trăm nghìn đồng*) cũng như không buộc T phải trả lại cho anh tiền chênh lệch giá trị của 10 chiếc xe đạp là 1.800.000đ (*Một triệu, tám trăm nghìn đồng*).

- Ghi nhận ông Phạm Đình T không yêu cầu anh PH Văn M phải trả lại cho ông số tiền lãi chênh lệch bán 30 chiếc xe đạp là 1.420.000đ (*Một triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng*).

6. Về xử lý vật chứng:

- Xác nhận ngày 28/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh PH Văn M số tiền 13.160.000đ (*Mười ba triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng*) là tiền ông Phạm Đình T bán 30 chiếc xe đạp của anh M, anh M đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì khác.

- Xác nhận ngày 28/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P đã trả lại cho anh PH Văn M 159 chiếc xe đạp do bị cáo Nguyễn Thanh T lừa đảo

chiếm đoạt, anh M đã nhận đủ 159 chiếc xe đạp và không có yêu cầu gì khác, cụ thể như sau:

+ 27 chiếc xe đạp gồm: 05 chiếc xe đạp nhãn hiệu GALAXY TH19; 14 chiếc xe đạp JINHU BABY12 và 08 chiếc xe đạp nhãn hiệu JINHU BABY14 là số xe đạp anh Trần Văn T đã mua của T, anh T đã tự nguyện giao nộp lại cho cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P.

+ 102 chiếc xe đạp gồm: 04 chiếc xe đạp nhãn hiệu XIAMING12; 02 chiếc xe đạp nhãn hiệu XIAMING14; 04 chiếc xe đạp XIAMING16; 05 chiếc xe đạp XIAMING18; 05 chiếc xe đạp XIAMING20; 32 chiếc xe đạp JINHU BABY12; 14 chiếc xe đạp JINHU BABY14; 22 chiếc xe đạp JINHU BABY16; 04 chiếc VENIC 3; 10 chiếc CROLAN là số xe đạp bà Vũ Thị T đã mua của T, bà T tự nguyện giao nộp lại cho cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P.

+ 30 chiếc xe đạp gồm: 08 chiếc xe nhãn hiệu JINHU BABY12; 16 chiếc xe đạp nhãn hiệu JINHU BABY14; 06 chiếc xe đạp nhãn hiệu JINHU BABY16 là số xe đạp ông Phạm Đình T đã mua của T còn lại chưa bán, ông T tự nguyện giao nộp lại cho cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE X màu sơn trắng, số IMEL: 356742082901882, đã qua sử dụng. *(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18/7/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V, tỉnh P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P).*

- Tịch thu tiêu hủy: 01 sim số, trên sim có số 8984048000923202151. *(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18/7/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V, tỉnh P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P).*

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh T số tiền 2.060.000đ *(Hai triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng)* NH được tạm giữ để đảm bảo thi hành án. *(Hiện đang được tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.1053895.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P tại Kho bạc Nhà nước tỉnh P theo Ủy nhiệm chi ngày 18/7/2024 do Công an thành phố V, tỉnh P chuyển tiền vật chứng theo quyết định số 1847 ngày 18/7/2024 cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P).*

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh T số tiền 3.137.022đ *(Ba triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi hai đồng)* trong tài khoản số 8809205102697 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh P NH được tạm giữ để đảm bảo thi hành án *(Theo Lệnh phong tỏa tài khoản số: 97/LPT-ĐĐTTH ngày 14/5/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V, tỉnh P).*

7. Về án phí:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 3.702.000đ *(Ba triệu, bảy trăm linh hai nghìn đồng)* án phí dân sự trong vụ án hình sự.

- Buộc ông Phạm Đình T phải chịu 750.000đ *(Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự trong vụ án hình sự.

8. Bị cáo có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- VKSND TP. V, T. P;
- CQCA TP. V, T. P;
- Trại tạm giam Công an tỉnh P;
- THAHS, DS TP. V, T. P;
- UBND xã T, H. T, T. P;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị H

